



guì xià
跪下

verb phrase · kneel down

Example Sentences

tā guì xià qǐng qiú yuán liàng
他跪下请求原谅。

He knelt down to ask for forgiveness.

guó wáng mìng lìng suǒ yǒu rén guì xià
国王命令所有人跪下。

The king ordered everyone to kneel down.

Trace each character, then write the word on your own.

跪	跪	跪	跪	跪	跪	跪	跪	跪	跪	跪
跪	跪	跪	跪	跪						
下	下	下	下	下	下					